

Bản án số: 25/2025/DS-PT

Ngày: 19-02-2025

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Trần Văn Nhum

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 12 năm 2024; 14 và 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TLPT ngày 17/10/2024 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B đường T, Tổ F, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T là ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Khu B, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

2. Bị đơn: Ông Lê Khắc T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ F, khu phố B, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T2: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1963; địa chỉ: G, đường G, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Cao Thị Lộc N, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ F, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Lộc N là ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1962; (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

3.2. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, khu phố E, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

3.4. Ông Lê Thanh N1, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ B, ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

3.5. Ông Cao Ngọc Quang V, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ E, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T là ông Đỗ Văn T1 trình bày:

Vào năm 2008, ông Nguyễn Hữu T nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh N1 một thửa đất có diện tích khoảng 6000m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước với giá tiền là hơn 700.000.000 đồng, đã trả đủ tiền và nhận đất, sau đó ông T làm thủ tục mở đường vào giữa thửa đất và tách thành 4 thửa đất, gồm một thửa ông Cao Ngọc Quang V; một thửa ông Nguyễn Long C; một thửa bà Cao Thị Lộc N và một thửa ông Lê Khắc T2 đứng tên. Trong đó thửa đất ông Nguyễn Hữu T nhờ ông Lê Khắc T2 đứng tên giùm cho ông T, thì ông T đã nhờ ông Lê Khắc T2 tách thành 4 thửa và đã sang nhượng cho ba người gồm: Một thửa tách sang nhượng cho một người tên H1 (Không rõ họ tên, năm sinh đầy đủ), tách sang nhượng cho bà Đỗ Thị Thanh T4 2 thửa, phần đất còn lại diện tích 341m² hiện nay ông Lê Khắc T2 đang đứng tên. Sau khi mua được mảnh đất diện tích khoảng 6000m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước do đất không có đường đi vào nên ông T được ông Lê Thanh N1 giới thiệu mua của Lê Văn T3 một mảnh đất có bề ngang 9m dài 20m (dạng đất tái định cư tại thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích khoảng 180m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước, ông T3 nói giá 270.000.000 đồng nhưng do ông T quen biết với ông Lê Văn T3 nên chỉ mua với giá tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), ông T đã đưa cho ông Lê Khắc T2 đủ số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và nhờ ông T2 mua và đứng tên giùm ông T. Sau đó cho ông Nguyễn Văn T5 đã được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Nguyễn Văn T5 sang nhượng cho ông Lê Khắc T2, khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lê Khắc T2 không sang tên trả đất cho ông T mà ông T2 đã sang nhượng đất cho người khác (không rõ nhân thân lai lịch). Đã nhiều lần ông T yêu cầu ông Lê Khắc T2 chuyển quyền sử

dụng đất lại cho ông T nhưng ông Lê Khắc T2 không thực hiện. Đến ngày 06/02/2022, ông T trực tiếp điện thoại cho ông Lê Khắc T2 để yêu cầu ông T2 trả lại cho ông Nguyễn Hữu T diện tích đất thuộc dạng đất tái định cư lòng hồ Sở Nhì - phường H, thị xã B và cũng yêu cầu ông T2 trả lại cho ông T diện tích mà ông T đã nhờ ông T2 đứng tên giùm nhưng không thực hiện nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông T giá trị quyền sử dụng mảnh đất diện tích 341m², tọa lạc tại tổ B, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước, giá trị mảnh đất theo như thị trường hiện nay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T quyền sử dụng mảnh đất diện tích 180m², tọa lạc tại tổ B, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước, giá trị mảnh đất theo như thị trường hiện nay là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T2 là ông Nguyễn Quang H trình bày: Ông Lê Khắc T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, ông Lê Khắc T2 xác định là không đứng tên giùm hai mảnh đất trên cho ông Nguyễn Hữu T như ông T trình bày.

Ông Lê Khắc T2 trình bày là vào thời gian năm 2008 ông Lê Khắc T2 có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T3 một mảnh đất có diện tích bề ngang 9m dài 20m (dạng đất tái định cư tại thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích khoảng 180m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước là ông Lê Khắc T2 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T3, với giá tiền 263.000.000đ (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng), thanh toán thành 3 lần cụ thể: Lần 1 là 10.000.000 đồng; Lần thứ 2 là 230.000.000 đồng; lần thứ 3 là khi có giấy chứng nhận là trả hết số tiền còn lại. Ông Lê Khắc T2 xác định toàn bộ số tiền mua đất là tiền của ông Lê Khắc T2 không phải tiền của ông T và ông T2 không đứng tên giùm ông T, không nhận tiền của ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T2 là ông Nguyễn Quang H trình bày: Ông Lê Khắc T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, ông Lê Khắc T2 xác định là không đứng tên giùm ông T hai mảnh đất trên cho ông Nguyễn Hữu T như ông T trình bày. Vì vậy, ông T2 không đồng ý trả cho ông T số tiền 3.200.000.000đ (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng) giá trị quyền sử dụng mảnh đất diện tích khoảng 180m² và giá trị quyền sử dụng mảnh đất diện tích 341m² là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) như ông T yêu cầu.

Nội dung thứ nhất: Liên quan đến việc góp vốn nhận sang nhượng quyền sử dụng khu đất của ông Lê Thanh N1 có diện tích khoảng 7000m², tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện B nay là ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Ông T2 xác định là không có đứng tên giùm đất cho ông Nguyễn Hữu T.

Nội dung thứ hai: Liên quan đến việc ông Nguyễn Hữu T đưa tiền nhờ ông Lê Khắc T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T3, việc ông T nhờ đứng tên giấy chứng nhận, việc sang nhượng quyền sử dụng đất và sử dụng, phân chia tiền sang nhượng quyền sử dụng đất.

Bà Cao Thị Lộc N trình bày: Vào khoảng năm 2008, bà N đưa tiền cho chồng bà là ông Nguyễn Hữu T 500.000.000 đồng đi trồng tiền nhận chuyển

nhượng của ông Lê Thanh N1 một mảnh đất có diện tích khoảng 6000m², tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện B nay là phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước với giá tiền của mảnh đất là hơn 700.000.000 đồng, đã trả đủ tiền và nhận đất, sau đó ông T làm thủ tục tách thành 4 mảnh đất (4 thửa), gồm một thửa ông Cao Ngọc Quang V, một thửa ông Nguyễn Long C, một thửa bà Cao Thị Lộc N và một thửa nhờ ông Lê Khắc T2 đứng tên giúp cho vợ chồng ông T, bà N. Sau khi tách thành 4 thửa thì phần còn lại là ông Nguyễn Hữu T làm hết bà N không quan tâm, phần đất ông T đã nhờ ông Lê Khắc T2 đứng tên và tách thửa sang nhượng như thế nào bà N không biết.

Bà Cao Thị Lộc N xác định có đưa cho ông T (chồng của bà N) số tiền 200.000.000 đồng để ông T đưa cho ông Lê Khắc T2 nhờ mua lô đất của ông Lê Văn T3 diện tích 180m², nhờ ông T3 đứng tên giữ.

Ông Lê Thanh N1 trình bày: Vào tháng 4 năm 2008, ông N1 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T một mảnh đất có diện tích hơn 7000m², tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện B nay là Ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước với giá tiền là 100.000.000 đồng/1 sào (1000m²), ông N1 đã nhận đủ tiền là 720.000.000 đồng, ông T là người trả tiền cho ông N1, trả tiền thành 2 lần cụ thể: Lần đầu đặt cọc khoảng 100.000.000 đồng, lần sau trả đủ số tiền còn lại. Sau này chia tách ra như thế nào thì không biết.

Ông Lê Văn T3 trình bày: Vào thời gian năm 2008 ông T3 có chuyển nhượng cho ông Lê Khắc T2 một mảnh đất có diện tích bề ngang 9m dài 20m (đất tái định cư tại thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích khoảng 180m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, giá sang nhượng 263.000.000đ (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng), chi phí sang nhượng ông Lê Khắc T2 chịu, thanh toán thành 3 lần cụ thể: Lần 1 là 10.000.000 đồng; Lần thứ 2 là 230.000.000 đồng; lần thứ 3 là khi có giấy chứng nhận là trả hết số tiền còn lại đúng như ông Lê Khắc T2 trình bày. Ông Lê Văn T3 xác định không nhớ vào thời điểm năm 2008 trước khi sang nhượng đất cho ông Lê Khắc T2 thì ông Nguyễn Hữu T có điện thoại cho ông Lê Văn T3 hỏi mua lô đất nói trên với giá 270.000.0000 đồng hay không thì không còn nhớ.

Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông K xác định vào khoảng thời gian năm 2007, 2008 ông K có góp vốn với ông Lê Khắc T2 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T3 một mảnh đất có diện tích bề ngang 9m dài 20m (đang đất tái định cư tại thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích khoảng 180m², tọa lạc tại ấp S, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước là ông Lê Khắc T6 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T3, diện tích cụ thể như thế nào là do ông Lê Khắc T2 giao dịch, ông Lê Khắc T2 báo là giá tiền là 263.000.000đ (hai trăm sáu mươi ba triệu đồng), thời điểm mua đất là ông K góp tiền (đưa) tiền cho ông Lê Khắc T2 220.000.000 đồng, trong đó tiền góp vốn cho việc mua đất là 130.000.000 đồng còn 90.000.000 đồng là tiền ông K trả nợ cho ông Lê Khắc T2 (Thời gian ngày giờ đưa tiền cho ông Lê Khắc T2 do quá lâu rồi nên không nhớ cụ thể), ông Lê Khắc T2 đứng tên sổ và thực hiện các giao dịch. Cách đây 4 đến 5 năm rồi thì ông Lê Khắc T2 đã sang nhượng mảnh đất chúng tôi mua chung của ông Lê Văn T3 nói trên, ông Lê Khắc T2 báo là bán được 900.000.000 đồng, chia tiền cho ông

K được nhận số tiền 450.000.000 đồng, cũng không nhớ là nhận tiền vào ngày tháng năm nào vì không làm giấy tờ. Ông T2 sang nhượng cho ai ông K cũng không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), giá trị quyền sử dụng mảnh diện tích 341m² đất, tọa lạc tại tổ B, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/7/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo thay đổi yêu cầu khởi kiện, kháng cáo. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu HĐXX buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.799.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 21/01/2025 tại cấp phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ít hơn bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đỗ Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T xin rút phần yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) giá trị quyền sử dụng mảnh đất diện tích 341m², tọa lạc tại tổ B, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất trình bày, trước thời điểm năm 2008 các đương sự (nguyên đơn, bị đơn cùng ông V, ông K) là những người có mối quan hệ hôn tiền (góp vốn) chung mua đất phân lô bán nền mới có việc góp vốn nhận chuyển nhượng 6000m² đất của ông N1 rồi phân chia mỗi người ¼. Như vậy, đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Tuy nhiên, tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T cho rằng năm 2008 sau khi mua thửa đất trên để phân lô thì không có đường đi ra đường công cộng nên đã đưa tiền cho bị đơn ông Lê Khắc T2 để nhờ bị đơn mua lại thửa đất của ông Lê Văn T3 được rẻ hơn (do có mối quan hệ quen biết giữa bị đơn với ông Lê Văn T3), đồng thời nguyên đơn có nhờ bị đơn đứng tên giữ. Việc đưa tiền và nhờ đứng tên giữ thì không lập thành văn bản và cũng không có ai chứng kiến.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý và cho rằng bị đơn không nhận tiền của nguyên đơn và cũng không đứng tên giữ. Vì vậy, theo quy định Điều 6, Điều 91 BLTTDS thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình.

Chứng cứ duy nhất nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho lời trình bày của mình là đoạn ghi âm (BL37-38) thể hiện thông tin là lời nói của bị đơn *“anh có 40.000.000đ nằm ở trong đó đấy nhá... chứ không phải 260.000.000đ của chú không đâu”* là tiền vay tiền ngân hàng 40.000.000đ để lên thổ cư đất dưới lòng hồ và có nhận tiền 220.000.000đ. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận rằng mình có nhận tiền của nguyên đơn, còn số tiền nhận 220.000.000đ thì bị đơn cho rằng nhận của ông Nguyễn Văn K để hôn tiền mua thửa đất này, vào năm 2019 đã bán lại được 900.000.000đ và chia đôi tiền lời này với ông K. Lời trình bày này của bị đơn phù hợp với lời trình bày của ông K là ông K có đưa số tiền 220.000.000đ cho bị đơn, trong đó tiền hôn mua đất 130.000.000đ và 90.000.000đ trả cho bị đơn, cũng như có việc bị đơn bán thửa đất được 900.000.000đ chia mỗi người được 450.000.000đ, phù hợp với tài liệu HĐCNQSĐĐ đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập (BL152-156).

Đối với số tiền 40.000.000đ mua thổ cư được thể hiện trong đoạn ghi âm là số tiền bỏ ra để lên thổ cư cho thửa đất mua của ông N1 nhằm phân lô tách thửa chứ không phải là số tiền mua đất của ông Lê Văn T3. Vì thời điểm đó, đất ông Lê Văn T3 là đất tái định cư (toàn bộ là đất thổ cư) nên không phải mua thổ cư và lúc này cũng chưa có đất nền trên thực tế mà chỉ mới ở dạng giấy xác nhận được cấp tái định cư.

Mặt khác, nếu thông tin thể hiện bị đơn có nhận tiền của nguyên đơn thì cũng không chứng minh được tiền này là của riêng nguyên đơn đưa cho bị đơn để mua thửa đất và cũng không chứng minh được là mua riêng cho nguyên đơn hay mua chung cho cả nhóm trong gói làm ăn chung phân lô tách thửa. Hơn nữa, nguyên đơn cho rằng có đưa tiền cho bị đơn mua đất và nhờ đứng tên nhưng không lập giấy tờ gì và bị đơn không nhận thì cũng không có căn cứ nào chứng minh việc nguyên đơn có nhờ bị đơn đứng tên trên GCNQSDĐ giùm. Đặc biệt hơn là, trong diện tích đất mua của ông N1 để phân lô thì vợ nguyên đơn (bà Cao Thị Lộc N) cũng có phần hùn mua chung thì không lý do gì nguyên đơn không để vợ mình đứng tên mà phải đi nhờ người khác.

Do nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được mình có đưa tiền cho bị đơn và cũng không chứng minh được có nhờ bị đơn đứng tên giùm nên cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, do nguyên đơn yêu cầu định giá lại nên giá trị QSDĐ mà các bên đang tranh chấp có sự thay đổi từ 3.200.000.000 đồng xuống còn 1.799.000.000 đồng. Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 1.799.000.000 đồng. Do yêu cầu số tiền bị đơn phải hoàn trả không được chấp nhận có sự thay đổi, cụ thể là giảm so với cấp sơ thẩm nên án phí được điều chỉnh theo hướng nguyên đơn phải chịu án phí ít hơn Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên nên cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí. Nội dung sửa này là khách quan.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, cần giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long và sửa phần án phí của Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, giá trị QSDĐ đối với thửa đất mà các bên tranh chấp có sự thay đổi từ 3.200.000.000đ xuống còn 1.799.000.000đ (theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/01/2025). Đồng thời, nguyên đơn cũng đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 1.799.000.000đ. Do yêu cầu số tiền phải hoàn trả không được chấp nhận có sự thay đổi, giảm so với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu là 65.970.000đ (36.000.000đ + (3% x (1.799.000.000đ – 800.000.000đ)).

[5] Về chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 4.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu (đã nộp đủ);

Tại cấp phúc thẩm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại là 10.000.000đ. Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu (đã nộp đủ).

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước về phần án phí.

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 203 của Luật đất đai, các Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.799.000.000 (một tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu) đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc “Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Khắc T2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ) đồng, giá trị quyền sử dụng mảnh diện tích 341m2 đất, tọa lạc tại tổ B, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T phải chịu 14.000.000 đồng (đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 65.970.000 (sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0002573 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Hữu T còn lại phải nộp số tiền 17.970.000đ (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002205 ngày 06/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thị xã Bình Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.(20)

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh